

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ NGHỆ II

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH PHÒNG HỌC/XƯỞNG THỰC HÀNH/THƯ VIỆN/KÝ TÚC XÁ

TT	Tên phòng/ xưởng	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
1	Hội trường	m ²	916	
2	Thư viện	m ²	1,200	
3	Khối phòng học lý thuyết	m ²	4,018	
4	Khối xưởng thực hành ô tô Khoa Cơ khí Động lực	m ²	1,500	
5	Khối xưởng thực hành các nghề Khoa Cơ khí Chế tạo	m ²	2,427	
6	Khối xưởng thực hành các nghề Khoa Điện tử	m ²	1,920	
7	Khối xưởng thực hành các nghề Khoa Công nghệ thông tin	m ²	1,507	
8	Khối xưởng thực hành các nghề Khoa DLNHKS	m ²	880	
9	Khối xưởng thực hành các nghề Điện lạnh	m ²	1,050	
10	Khối xưởng thực hành các nghề BHLĐ - MT	m ²	1,134	
11	Khối xưởng thực hành nghề Khoa Dược-Thẩm mỹ	m ²	1,176	
12	Khối phòng thực hành NCKH và chuyển giao CN	m ³	3,664	
13	Ký túc xá	m ²	3,380	
14	Căn tin	m ²	600	
I	Tổng cộng		25,372	